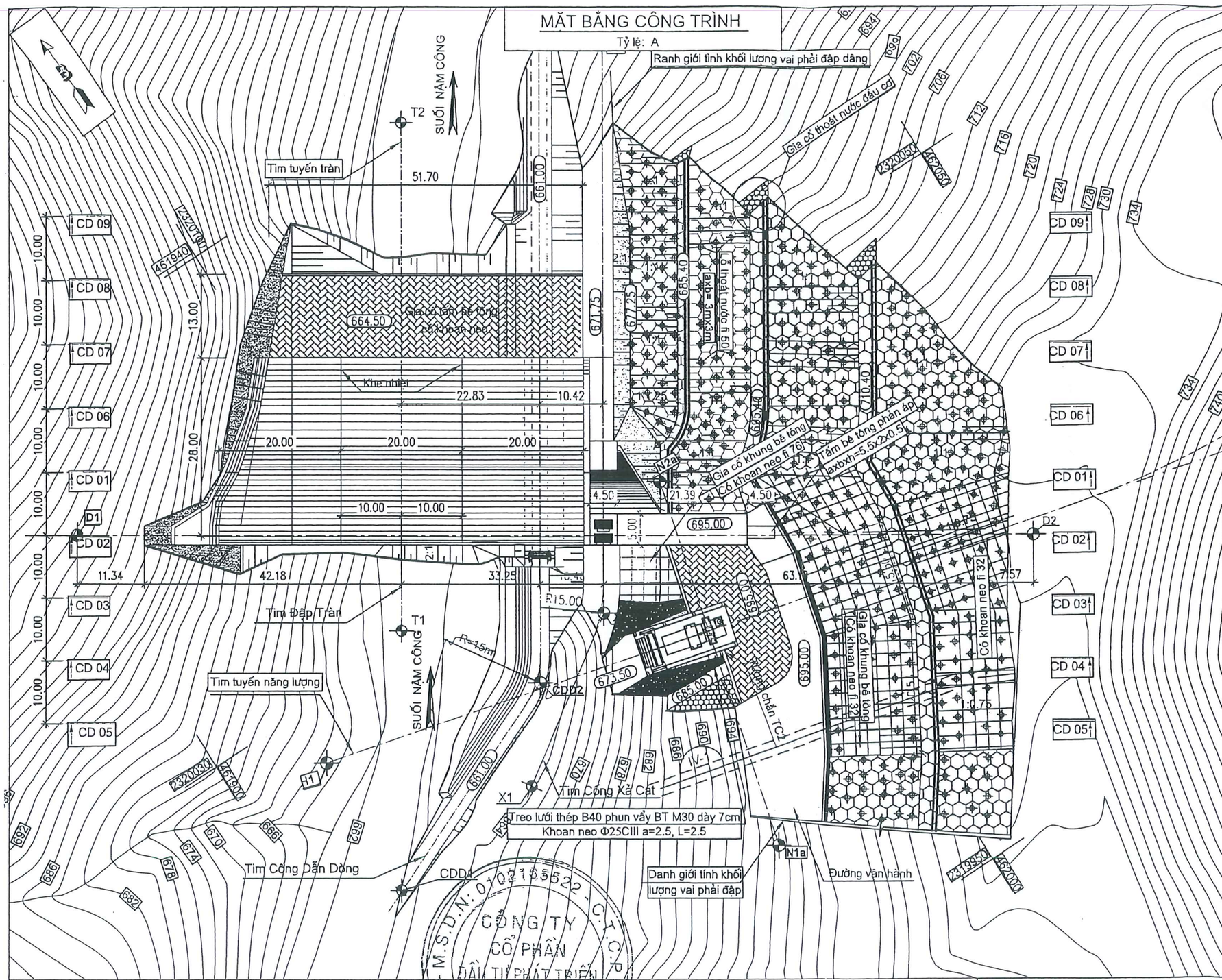

BẢNG TOẠ ĐỘ

TT	Điểm	Tọa độ X	Tọa độ Y
1	CDD1	2319997.5999	461915.4191
2	CDD2	2320013.0530	461952.1394
3	CDD3	2320098.8543	462006.0082
4	D1	2320073.5144	461900.0000
5	D2	2319989.7592	462033.4018
6	H1	2320020.9603	461915.6257
7	H2	2319972.1966	462115.4513
8	T1	2320032.1523	461937.2193
9	T2	2320100.0000	461979.8044
10	X1	2320000.0000	461942.2116
11	X2	2320016.8815	461966.8917
12	X3	2320093.2577	462014.8439
13	N1a	2319970.6645	461971.4590
14	N2a	2320029.7221	461985.8710

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG

TT	Tên công việc	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
I	**Đào đất đá**	10^3m^3	37.75	
1	tQ	10^3m^3	1.13	
2	edQ + IA1	10^3m^3	6.80	
3	IA2	10^3m^3	23.03	
4	IB	10^3m^3	4.15	
5	IIA	10^3m^3	2.64	
6	Đào rãnh thoát nước	10^3m^3	0.38	
II	**Bê tông**			
1	Bê tông đập M10	10^3m^3	0.92	
2	Bê tông đập M20	10^3m^3	0.07	
3	Bê tông cốt thép đập M20	10^3m^3	0.34	
4	Bê tông dầm M20	10^3m^3	0.04	
5	Bê tông dầm M30	10^3m^3	0.01	
6	Bê tông phun vẩy	10^3m^3	0.84	
III	**Cốt thép**			
1	Thép neo Φ 32	Tấn	7.38	
2	Thép Φ 14	Tấn	3.10	
3	Thép Φ 8	Tấn	1.07	
4	Thép mã kẽm Φ 25	10^3md	1.17	
IV	**Gia cố mái đá xây**			
1	Đá xây	10^3m^3	1.58	
2	Dăm cát đệm	10^3m^3	0.84	
V	**Rãnh thoát nước trên cơ**			
1	Đá xây	10^3m^3	0.09	
2	Dăm cát đệm	10^3m^3	0.01	
VI	Ống thoát nước Φ 50	100md	8.70	
VII	Vải địa kỹ thuật	$100m^2$	3.35	
VIII	Đào thủ công tấm phản áp	$100m^3$	4.50	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẢO MINH
M.S.D.N: 0102155522 C.T.C.P
Q. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI

Thước tỷ lệ: A

0.0 6.7 13.3 20.0 26.7 33.3m

GHI CHÚ

1. Bản vẽ này được lập trên cơ sở bình đồ tỷ lệ 1:500 do Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 1 lập tháng 06/2009 và mô tả hố móng do CDT cấp tháng 8/2010
2. Kích thước và cao độ ghi trong bản vẽ là m.

CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

CỤM ĐẦU MỐI

THUỶ ĐIỆN TÀ CỌ

MẶT BẰNG CÔNG TRÌNH

CNTK	Nguyễn Duy Khuyến	
Trưởng đoàn	Phạm Nguyên Hùng	
Kiểm tra	Nguyễn Tuấn Cường	
Thiết kế	Nguyễn Mạnh Thuỷ	

BVTC	08-2010	4409-2.TH-ĐM-HC.01
Tỷ lệ: A		